

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2017/HSST

Ngày: 20/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn T
2. Bà Trần Thị Ngọc Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Phạm Thị Trúc Đào -
Cán bộ tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Ông Tô Mạnh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 191/2017/HSST ngày 11/4/2017 đối với bị cáo:

Phạm Kim T; Giới tính: nam; Sinh ngày: 1969 tại Nam Định; Thường trú: Số A, tổ B, C, phường D, Thành phố E, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: X ấp Y, xã Z, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: không; Cha: Phạm Khắc L (chết); Mẹ: Nguyễn Thị Th (sinh năm 1943); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tháng 04/1989 bị Công an thành phố Nam Định bắt về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, Tòa án nhân dân Thành phố Nam Định xử phạt 6 tháng tù nhưng được hưởng án treo; Tháng 04/1991 bị Công an Thành phố Thái Bình bắt về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”, bị tạm giam 02 tháng 10 ngày tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình, đến tháng 7/1991 được tha tù về địa phương; Ngày 12/10/1991 bị Công an Thành phố Nam Định bắt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”, Tòa án nhân dân Thành phố Nam Định xử phạt 18 tháng tù giam. Thi hành án tại trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình, đến tháng 3/1993 được tha tù về địa phương; Ngày 24/4/1999 bị Công an quận Tân Bình bắt, Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Thi hành án tại trại giam Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, đến tháng 7/2000 được tha tù về địa phương; Ngày 26/8/2000 bị Công an quận Tân Bình bắt, Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt

24 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Thi hành án tại trại giam Côn Cát, tỉnh Sóc Trăng, đến tháng 8/2002 được tha tù về địa phương; Ngày 08/5/2003 bị Công an quận Gò Vấp bắt, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xử phạt 03 năm 04 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Thi hành án tại trại giam An Phước, tỉnh Bình Dương, đến tháng 9/2006 được tha tù về địa phương; Ngày 08/02/2007 bị Công an Quận 12 bắt, Tòa án nhân dân Quận 12 xử phạt 5 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Thi hành án tại trại giam An Phước, tỉnh Bình Dương, ngày 8/3/2011 chấp hành xong hình phạt; Tạm giam từ ngày 26/7/2016. (Có mặt)

Người bào chữa: Ông Nguyễn Văn Tài – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Phạm Kim T theo yêu cầu của Tòa án. (Có mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo Phạm Kim T bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lúc 22 giờ 00 ngày 26/7/2016, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Bình Thạnh tuần tra đến trước nhà số 117 Lê Quang Định, phường 7 quận Bình Thạnh phát hiện bắt quả tang Phạm Kim T thu giữ 01 túi nylon được treo ở móc treo đồ bên phải бага xe biển số 59S2-496.24 T đang điều khiển có 02 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 75,2463g, loại Methamphetamine và 03 điện thoại di động. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Kim T tại nhà số 51/3B ấp Trung Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh thu giữ 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 19,0331g, loại Heroin; 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, có khối lượng 2,7185g và 01 gói có khối lượng 1,6466g, loại Methamphetamine; 01 cân điện tử, và 01 bình hút ma túy (Theo kết luận giám định số 1494/KLGD-H ngày 18/08/2016 và công văn giải thích từ ngữ trong kết luận giám định ma túy số 462/PC54-DD6 ngày 31/10/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, bút lục 32;34).

Quá trình điều tra Phạm Kim T khai nhận ma túy từ năm 2013, T thường đến khu vực cầu vượt An Suông, Quận 12 gặp Bình để mua ma túy đá về sử dụng. Khi gặp, Bình đưa cho T 01 túi nylon bên trong chứa 02 gói ma túy đá và nhờ T đem về nhà cất giữ giùm, khi cần sẽ qua lấy và T đồng ý. Sau đó, Bình treo bọc nylon chứa ma túy vào phía bên phải бага xe của mình định đem về nhà cất giấu thì trên đường về có 01 người bạn tên Miêu (không rõ lai lịch) gọi điện thoại cho T bảo T đến 01 khách sạn (không rõ địa chỉ) nằm trên đường Nguyễn Văn Đậu, quận Bình Thạnh để cùng sử dụng ma túy

đá nhưng khi T đến trước nhà số 117 Lê Quang Định, phường 7 quận Bình Thạnh thì bị bắt quả tang theo nội dung nêu trên.

Đối với số ma túy 19,0331g, loại Heroin thu giữ qua khám xét, T khai trước đó vào ngày 24/7/2016, T mua của Bình với giá 3.000.000 đồng; 4,3651g loại Methamphetamine T mua 01 gói ma túy đá của 01 đối tượng không rõ lai lịch cũng tại khu vực cầu vượt An Sương, Quận 12 vào ngày 25/7/2016 với giá 850.000 đồng đem về cất giấu với mục đích để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị thu giữ.

Đối với các đối tượng Bình, Miêu do Phạm Kim T khai không rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ xử lý.

Vật chứng vụ án:

- 04 (bốn) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 1494 (1,2,3,4) có chữ ký niêm phong của giám định viên Huỳnh T Thảo (PC54) và điều tra viên Mai Thị Lệ Quyên (PC47), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 03 (ba) ĐTDD gồm: 02 ĐTDD hiệu NOKIA và 01 ĐTDD hiệu ALCATEL, T khai là điện thoại T dùng để liên lạc gia đình, bạn bè.

- 01 (một) bình hút ma túy là của T dùng để sử dụng ma túy đá.

- 01 (một) cân điện tử ghi chữ DHAUS là của T dùng để phân nhỏ ma túy để sử dụng.

- 01 (một) xe gắn máy biển số 59S2-496.24; số khung RLHJC5380EZ073172, số máy JC54E3114048, nhãn hiệu Honda (Future). Qua xác minh chủ sở hữu là bà Trần Thị T Ngân (sinh năm 1977, HKTT tại 3C-3T số 11 Trần Huy Liệu, Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định) là người sống chung như vợ chồng với Phạm Kim T. Bà Ngân khai đã mua chiếc xe trên vào tháng 5/2016 tại đại lý ủy quyền Honda Việt Nam tại số 404-406 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú để sử dụng. Do không có hộ khẩu tại Tp. Hồ Chí Minh nên bà Ngân nhờ đại lý tìm người đứng tên xe và đăng ký giúp. Đại lý đã nhờ nhân viên tên Nguyễn Xuân Sơn đứng tên chủ xe và đăng ký sử dụng tại phòng CSGT – CATP. Hồ Chí Minh và được cấp biển số 59S2-496.24. Lời khai của ông Nguyễn Xuân Sơn phù hợp với lời khai của bà Ngân. Cơ quan điều tra xác định bà Ngân không có liên quan đến vụ án nên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho bà Ngân.

Tại bản cáo trạng số 178/CTr-VKS-P1 ngày 04/4/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Phạm Kim T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm h, khoản 3, Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009)

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát công bố công văn số: 03/ĐCCTr - VKS -P1 đính chính Cáo trạng số 178/CTr -VKS -P1 ngày 04/4/2017 ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc quy đổi khối lượng ma túy ở thể rắn, loại heroin thu giữ qui đổi trong vụ án này với tổng khối lượng ma túy ở thể rắn là 143,0550g, loại Methamphetamine là không chính xác theo quy định tại điểm C mục 2.5 Thông tư Liên tịch số 17/2017/TTLT -BCA -VKSNDTC -TANDTC- BTP và Nghị quyết số 01/2001/ NQ -HĐTP ngày 15/3/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao. Qui đổi khối lượng Heroin ra khối lượng ma túy ở thể rắn (100gam Heroin tương đương với 300gam ma túy ở thể rắn) như vậy 19.0331 gam heroin tương đương 57,0993 g Methamphetamine. Do đó, Phạm Thị Kim T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng 02 chất ma túy sau khi quy đổi là 136,7101 gam ma túy ở thể rắn loại Methamphetamine.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận tội danh và hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày bản luận tội kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản cáo trạng về tội danh và hành vi phạm tội của Phạm Kim T. Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Kim T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. (được sửa đổi bổ sung năm 2009). Căn cứ tính chất mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo cùng những tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Phạm Kim T với mức án: từ 15 năm đến 16 năm tù đồng thời miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đề nghị tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Kim T trình bày: không thống nhất về mặt tội danh, qua lời khai nhận của bị cáo cùng việc thu giữ các phương tiện, dụng cụ tại nhà bị cáo quan điểm của luật sư cho rằng chỉ đủ cấu thành của tội danh được quy định tại Điều 196 Bộ luật hình sự. Cũng như nhận định của Viện kiểm sát việc bị cáo tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì ở đây không có mục đích lợi nhuận. Từ những phân tích trên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về mặt tội danh đối với bị cáo trong vụ án này cấu thành tội “ Tội sản xuất, tàng trữ, mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy”

Về tình tiết giảm nhẹ: Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét gia đình bị cáo có an trai là liệt sỹ để vận dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Viện kiểm sát tranh luận: Giữa nguyên quan điểm truy tố trong trường hợp chỉ thu giữ được các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép các chất ma túy mà không thu giữ khối lượng các chất ma túy thì được xem xét hành vi phạm tội theo quy định tại Điều 196 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này khối lượng ma túy thu giữ quả tang và tại nhà bị cáo là thực tế. Đề nghị của luật sư là gây bất lợi cho bị cáo vì cùng lúc áp dụng hai tội danh. Vì vậy, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố và luận tội tại phiên tòa về tội danh cũng như hình phạt.

Luật sư tranh luận: không phủ nhận việc thu giữ khối lượng ma túy đã thu giữ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo Phạm Kim T trình bày tranh luận và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Qua phần tranh luận, Hội đồng xét xử cân nhắc quan điểm tranh tụng giữa các bên tham gia phiên tòa; Về áp dụng Bộ luật tố tụng Hình sự: Hội đồng xét xử vận dụng tinh thần Nghị quyết số 41/2014/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 để xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết có lợi cho bị cáo, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về việc chỉ định người bào chữa, Do đó, Tòa án đã chỉ định luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Kim T.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo, đối chiếu với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, bản kết luận giám định, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Kim T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Hành vi tàng trữ chất ma túy của bị cáo Phạm Kim T là vi phạm pháp luật, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma

túy. Tại bản kết luận giám định số: 1494/KLGD-H ngày 18/8/2016 và công văn giải thích từ ngữ trong kết luận giám định, ma túy số 462/PC54 - DD6 ngày 31/10/2016 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hồ Chí Minh kết luận: ma túy ở thể rắn, có khối lượng 19,0331g, loại Heroin; 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, có khối lượng 2,7185g và 01 gói có khối lượng 1,6466g, loại Methamphetamine. Bị cáo đã tàng trữ 02 chất ma túy, trong đó 19,0331gam, loại Heroin và 79,6114 gam loại Methamphetamine. Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC - BTP ngày 24/12/2007 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội Đồng Thẩm Phán Tòa Án Nhân Dân Tối Cao về việc quy đổi trọng lượng ma túy từ 19,0331g ma túy ở thể rắn, loại heroin ra ma túy ở thể rắn loại Methamphetamine là 57,0993g Methamphetamine. Do vậy, Phạm Kim T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng ma túy ở thể rắn là 136,7107g. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm h, khoản 3, Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. (Được sửa đổi bổ sung năm 2009)

Bị cáo T nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm, thấy được tác hại của hành vi do mình gây ra nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến chế độ độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy. Bản thân bị cáo đã từng có tiền án cụ thể: {Tháng 04/1989 bị Công an thành phố Nam Định bắt về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, Tòa án nhân dân Thành phố Nam Định xử phạt 6 tháng tù nhưng được hưởng án treo; Tháng 04/1991 bị Công an Thành phố Thái Bình bắt về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”, bị tạm giam 02 tháng 10 ngày tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình, đến tháng 7/1991 được tha tù về địa phương; Ngày 12/10/1991 bị Công an Thành phố Nam Định bắt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”, Tòa án nhân dân Thành phố Nam Định xử phạt 18 tháng tù giam. Thi hành án tại trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình, đến tháng 3/1993 được tha tù về địa phương; Ngày 24/4/1999 bị Công an quận Tân Bình bắt, Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Thi hành án tại trại giam Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, đến tháng 7/2000 được tha tù về địa phương; Ngày 26/8/2000 bị Công an quận Tân Bình bắt, Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Thi hành án tại trại giam Cồn Cát, tỉnh Sóc Trăng, đến tháng 8/2002 được tha tù về địa phương; Ngày 08/5/2003 bị Công an quận Gò Vấp bắt, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xử phạt 03 năm 04 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Thi hành án tại trại giam An Phước, tỉnh Bình Dương, đến tháng 9/2006 được tha tù về địa phương; Ngày 08/02/2007 bị Công an Quận 12 bắt, Tòa án nhân dân Quận 12 xử phạt 5 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Thi hành án tại trại giam An Phước, tỉnh Bình Dương, ngày 8/3/2011 chấp hành xong hình phạt} mặc dù đều đã được xóa án tích, nhưng bị cáo không chịu rèn luyện, lao động giúp gia đình mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần có một bản án nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để bị cáo cải tạo, lao

động sớm trở thành người có ích cho gia đình, xã hội và cũng mang tính đấu tranh, phòng ngừa chung trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn ma túy hiện nay.

Tuy nhiên, xét thấy trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo Phạm Kim T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; anh ruột bị cáo là liệt sỹ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Do đó, cần xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng như đề nghị của luật sư.

Đồng thời, Hội đồng xét xử cũng cần nhận định như sau: Căn cứ vào điểm b Điều 2 Nghị quyết số 41/2017 ngày 20/6/2017 Nghị quyết về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 thì các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ hơn; miễn trách nhiệm hình sự; miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 ngày 01/01/2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích; Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo điểm h khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) nhưng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thuộc danh mục “Một số quy định có lợi cho người phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 2015” do Tòa án nhân dân Tối cao ban hành; Như vậy, với số lượng từ 02 chất ma túy trở lên thì hình phạt được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) nhẹ hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999. Hội đồng xét xử vận dụng tinh thần Nghị quyết số 41/2014/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo và căn cứ vào sự chuyển biến của tình hình, phù hợp với sự phát triển của đời sống kinh tế - xã hội. Cần áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) để xử phạt đối với hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Kim T là đúng pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng:

- Đối với: 04 (bốn) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 1494 (1,2,3,4) có chữ ký niêm phong của giám định viên Huỳnh T Thảo (PC54) và điều tra viên Mai Thị Lệ Quyên (PC47), bên trong là ma túy còn lại sau giám định là

vật cấm lưu hành; vậy áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 02 ĐTDĐ hiệu NOKIA và 01 ĐTDĐ hiệu ALCATEL, qua điều tra xác định không phải là phương tiện dùng vào việc phạm tội hoặc do phạm tội mà có; vậy, áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, trả lại cho bị cáo T.

- Đối với: 01 (một) bình hút ma túy là của T dùng để sử dụng ma túy đã không có giá trị sử dụng; cần áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với: 01 (một) cân điện tử ghi chữ DHAUS là của T dùng để sử dụng phân chia ma túy, liên quan đến việc phạm tội, vậy áp dụng điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với: 01 (một) xe gắn máy biển số 59S2-496.24; số khung RLHJC5380EZ073172, số máy JC54E3114048, nhãn hiệu Honda (Future). Qua xác minh chủ sở hữu là bà Trần Thị T Ngân (sinh năm 1977, HKTT tại 3C-3T số 11 Trần Huy Liệu, Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định) là người sống chung như vợ chồng với Phạm Kim T. Bà Ngân khai đã mua chiếc xe trên vào tháng 5/2016 tại đại lý ủy quyền Honda Việt Nam tại số 404-406 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thanh, quận Tân Phú để sử dụng. Do không có hộ khẩu tại Tp. Hồ Chí Minh nên bà Ngân nhờ đại lý tìm người đứng tên xe và đăng ký giúp. Đại lý đã nhờ nhân viên tên Nguyễn Xuân Sơn đứng tên chủ xe và đăng ký sử dụng tại phòng CSGT – CATP. Hồ Chí Minh và được cấp biển số 59S2-496.24. Lời khai của ông Nguyễn Xuân Sơn phù hợp với lời khai của bà Ngân; Cơ quan điều tra xác định bà Ngân không có liên quan đến vụ án nên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho bà Ngân là có căn cứ.

Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Phạm Kim T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với các đối tượng Bình, Miêu là người mua bán ma túy cho bị cáo T không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra chưa điều tra xác minh được, khi nào điều tra, xác minh được sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Kim T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Kim T** 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2016.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003:

Tịch thu, tiêu hủy: 04 (bốn) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số: 1494 (1,2,3,4) có chữ ký niêm phong của GĐV Huỳnh T Thảo (PC54) và ĐTV Mai Thị Lệ Quyên (PC47), bên trong là ma túy còn lại sau giám định; 01 (một) bình hút ma túy.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 01 (một) cân điện tử ghi chữ DHAUS.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 trả lại cho bị cáo T: 03 (ba) Điện thoại di động gồm: (02 ĐTDD hiệu NOKIA; 01 ĐTDD hiệu ALCATEL)

(Vật chứng được tạm giữ theo biên bản giao nhận tang vật số 179/17 ngày 28/3/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

- Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc: bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải chịu thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao; (1)
- TAND Cấp Cao; (1)
- VKS ND TP-HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Luật sư; (1)
- THA HS; (1)
- Phòng PC53 - CA Tp. HCM; (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (25) (4).

Nguyễn Thị Hà